

Bản án số: 60/2017/HSST

Ngày: 03-7-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Hải;

2. Ông Cao Sơn Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Lành Quốc T**, sinh ngày 26/9/1988 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Nùng; con ông: Lành Văn S (đã chết) và bà Mông Thị C (sinh năm 1956); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 24/01/2017 đến nay. Có mặt.

**2. Hoàng Văn H**, sinh ngày 12/10/1993 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Nùng; con ông: Hoàng Văn T (sinh năm 1963) và bà Nông Thị T (sinh năm 1966); vợ: Long Ngọc L, con: Có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 16/11/2016 đến nay. Có mặt.

– *Người bào chữa cho bị cáo Lành Quốc T: Bà **Chu Bích T*** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

– *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H: Ông **Nguyễn Tài H*** – Luật sư văn phòng luật sư N - H thuộc đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

– *Người bị hại:*

**1. Lê Thị D**, sinh ngày 12/9/1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt và có giấy ủy quyền cho bà Hoàng Thị T là mẹ ruột tham gia tố tụng tại phiên tòa).

**2. Mông Thị L** (tên gọi khác: Mông Thị Thùy L), sinh ngày 18/8/1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

– *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Hoàng Thị T**, sinh năm 1973 (là mẹ đẻ của Lê Thị D).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

**2. Mông Văn B**, sinh năm 1962 (là bố đẻ của Mông Thị L).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

### **NHẬN THẤY:**

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Qua xác minh đơn tố giác tội phạm của chị Lê Thị D, sinh ngày 12/9/1994; có HKTT: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và chị Mông Thị Thùy L, sinh ngày 28/8/1996; có HKTT: Thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; tố cáo bị người có tên là H và H1 lừa sang Trung Quốc bán. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập các đối tượng liên quan để điều tra làm rõ và đã xác định được người thực hiện hành vi mua bán các bị hại nêu trên là Lành Quốc T và Hoàng Văn H; trú tại: Thôn N và thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Năm 2011 Lành Quốc T sang Trung Quốc làm thuê, có quen biết một người phụ nữ có tên M người Việt Nam, có chồng tên S, sinh sống ở thị Bằng Tường, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Cùng thời gian này Hoàng Văn H là người quen của T cũng sang Trung Quốc làm thuê và nhận vợ chồng bà M là bố, mẹ nuôi, do vậy thường qua lại. Cuối năm 2012, trước khi về nhà ăn tết nguyên đán, T và H có vào nhà bà M nghỉ ngơi. Tại đây M có nói với cả hai là: “Về Việt Nam tìm phụ nữ đưa sang đây để M bán, mỗi người sẽ được trả mười nghìn nhân dân tệ”, cả hai nhận lời rồi đi về Việt Nam, sau đó bàn bạc cùng thực hiện.

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 01/2013, Lành Quốc T nói chuyện với anh Hoàng Văn L1 sinh năm 1994, đăng ký HKTT tại thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì biết L1 có bạn gái là Mông Thị Thùy L. T nhờ L1 giới thiệu L cho T và hẹn gặp mặt làm quen rồi cùng đi chơi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L1 gọi điện hẹn L đi chơi, rồi điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm Sát 12H1-8746 đến đón và đưa L đến một quán nước tại thị trấn M, huyện H gặp T ở đó. Trong lúc ngồi chơi T rủ L đi sang Trung Quốc làm thuê để kiếm tiền nhưng L còn lưỡng lự chưa đồng ý. Đến 22 giờ, T điều khiển xe mô tô của L1 đèo cả hai người là L1 và L cùng đi chơi. Khi đến thôn L, xã Đ, huyện H thì T bảo L1 cho mượn xe để đưa L đi chơi riêng. L1 đồng ý xuống xe đi về nhà, còn T điều khiển xe máy đưa L đi chơi. Sau đó T nói với L là cùng nhau đi làm bên Trung Quốc thì lần này L đồng ý. T chở L đi thẳng lên khu vực cửa khẩu T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gặp H. T bảo H cùng đưa L sang Trung Quốc. H biết T đưa L đi bán đã nhận lời và H điều khiển xe mô tô theo chỉ dẫn của T đi đến khu vực đường đôi giáp biên giới Việt Nam – Trung Quốc thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi, T bảo H mang xe mô tô về trả cho L1 rồi dẫn L đi bộ theo đường đôi sang Trung Quốc và gọi điện báo cho M biết. Còn Hoàng Văn H điều khiển xe mô tô về gửi tại nhà gửi xe ở thị trấn M, huyện H, sau đó H bảo L1 lấy xe về. Còn T và L được M bảo chồng ra đón hai người về nhà M và bảo đợi người đến đưa đi làm. Hôm sau, M và T nói với L đi làm trước còn T bận sẽ đi sau, L tưởng thật nên đã đi cùng vợ chồng người Trung Quốc tên D đến tỉnh H và bị bán cho một người Trung Quốc tên Hoàng Văn L, sinh năm 1995 ở An Dương, tỉnh H. Sau khi D đưa L đi khỏi nhà thì M trả cho T mười nghìn nhân dân tệ, T nhận tiền rồi đi về Việt Nam, đến khu vực cửa khẩu T đổi được ba mươi triệu đồng rồi đi về nhà. Khi về T gặp H ở đường liên thôn, T nói với H là bán L được ba mươi triệu đồng tiền Việt Nam và chia cho H sáu triệu đồng. Sau đó T bỏ trốn đến ngày 24/01/2017 thì bị bắt theo Quyết định truy nã (Bút lục số 46-48).

Sau một thời gian bị lừa bán ở Trung Quốc, chị Mông Thị Thùy L sống tại đó và sinh một con với người tên L2; đến tháng 12/2016 L bỏ trốn về Việt Nam. Ngày 18/12/2016 chị L đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tố cáo hành vi phạm tội của Lành Quốc T và đồng bọn.

Người bị hại Mông Thị Thùy L, sinh ngày 18/8/1996. Đến ngày bị lừa sang Trung Quốc bán (ngày 30/01/2013) chị L mới được 16 tuổi, 05 tháng, 12 ngày (Bút lục số: 123-124).

Trong quá trình thực hiện tội phạm, Lành Quốc T nói dối L mình tên là H1. Tiến hành để chị L nhận dạng qua ảnh, kết quả: Chị L đã nhận ra người giới thiệu tên là H1 bạn của Hoàng Văn L1 chính là người đã lừa L sang Trung Quốc bán (Bút lục số: 145-147).

Vụ thứ hai: Vào dịp tết nguyên đán năm 2013, Hoàng Văn H làm quen chị Lê Thị D. Thấy chị D là người thật thà dễ tin người nên đã nảy sinh ý định lừa D đưa sang Trung Quốc bán. H đã nói dối là yêu thương D, được D tin tưởng. Tối ngày 22/3/2013, H đi hát cùng T và một số bạn bè ở quán Karaoke thôn P, xã V, huyện H rồi gọi điện rủ D đi hát cùng, chị D đồng ý. Sau đó H mượn xe máy biển

kiểm soát 12H1 – 06198 của T đi đón D đến hát, tại đây H bàn với T để lừa chị D sang Trung Quốc bán và cùng nhau thực hiện. Khoảng 23 giờ thì không hát nữa, H nói đưa D về nhà và có T cùng đi, trên đường về nhà D thì H rủ D đi chơi ở thành phố Lạng Sơn, D đồng ý. Khi đến thành phố Lạng Sơn H lại rủ D đi lên cửa khẩu T để sang Trung Quốc hỏi vay tiền bố, mẹ nuôi về làm đám cưới, chị D tưởng H yêu mình thật nên đã đồng ý đi cùng H và T. Đến cửa khẩu T, H gửi xe máy ở một khu trọ rồi cùng T đưa chị D đi theo đường mòn sang Trung Quốc, khi đi đến nhà M vào rạng sáng ngày 23/02/2013. H nói với M tìm người để bán D. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì có mấy người Trung Quốc đến, họ đồng ý mua D với giá 10.000 NDT (mười nghìn nhân dân tệ). H đồng ý rồi quay lại nói với D là đi theo người phụ nữ Trung Quốc là khách của M (mẹ nuôi) để vay tiền, còn H nói là sẽ đi sau. D đồng ý. Sau khi những người này đưa D đi thì Q (con gái bà M) lấy tiền ra trả cho H 8.000 NDT và giữ lại 2.000 NDT nói là tiền môi giới của hai mẹ con M. Sau khi nhận tiền thì H và T lại đi theo đường cũ trở về Việt Nam, khi đến khu vực chợ T, H đã đổi số tiền bán D được 26.000.000đ và chia cho T 7.000.000đ. Sau đó H đi lấy xe máy rồi cùng T đi về nhà. Trên đường về thì H nhận được điện thoại của bố mình nói là “mẹ của D đến nhà tìm con gái”. Biết việc đã bị lộ nên cả hai vào một nhà nghỉ ở thị trấn M, huyện H nghỉ và tìm cách đối phó. Vì chị D không quen biết T nên cả hai thống nhất là T cứ về nhà bình thường, nếu có ai hỏi thì nói không biết việc H và D đi đâu, còn H đi vào các tỉnh miền Nam lẫn trốn.

Đối với chị Lê Thị D, ngày 10/01/2016 đã trốn được về Việt Nam, ngày 13/01/2016 đã viết đơn đến Công an huyện H tố cáo hành vi phạm tội của H và đồng bọn (Bút lục số: 168).

Sau một thời gian lẫn trốn, ngày 10/10/2016 H về nhà, ngày 13/11/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H triệu tập để hỏi về sự việc. Tại Cơ quan điều tra H đã khai báo, thú nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng bọn. Ngày 16/11/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H đã ra lệnh bắt tạm giam đối với Hoàng Văn H (Bút lục số: 44-45).

Tại bản Cáo trạng số 42/VKS-P1 ngày 17/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H về tội Mua bán người theo các điểm đ, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, như nội dung bản cáo trạng đã quy kết. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập với cộng đồng và xã hội.

Tại phiên tòa, người bị hại Mông Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T, Mông Văn B đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, thỏa đáng đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về phần bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, chị Mông Thị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần là 35.000.000đồng. Ông Mông Văn B bố đẻ chị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền công chi

phí đi tìm người bị hại là 34.000.000đồng. Tổng số tiền gia đình chị Mông Thị L yêu cầu bồi thường là 69.000.000đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Bị hại Lê Thị D yêu cầu các bị cáo bồi thường danh dự nhân phẩm và tổn thất về tinh thần là 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) bà Hoàng Thị T mẹ đẻ của chị D yêu cầu bồi thường chi phí thực tế đi tìm nạn nhân là 15.000.000đồng. Tổng số tiền gia đình Lê Thị D yêu cầu bồi thường là 115.000.000đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

- Các bị cáo Lành Quốc T và Hoàng Văn H đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của nạn nhân và gia đình nạn nhân. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên không trái với pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên để làm căn cứ thi hành án.

Tại phiên tòa gia đình bị cáo Lành Quốc T đã bồi thường cho mỗi bị hại 10.000.000đồng (Mười triệu). Đồng thời gia đình bị cáo T đã nộp tại cơ quan thi hành án số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu). Như vậy tổng số tiền gia đình bị cáo T đã khắc phục là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu). Gia đình bị cáo Hoàng Văn H tại phiên tòa đã bồi thường cho mỗi bị hại số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu) ngoài ra gia đình bị cáo H còn nộp tiền khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án tỉnh Lạng Sơn số tiền là 20 triệu đồng. Tổng cộng gia đình bị cáo H đã khắc phục là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu).

Tại phiên tòa bị hại và người đại diện gia đình các bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H; sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị công tố cho rằng: Đây là vụ án có đồng phạm, vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau. Về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Hoàng Văn H có ông nội Hoàng Văn Đ là liệt sỹ, hiện tại gia đình H đang thờ phụng ông Đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; bị cáo Lành Quốc T có bố đẻ là ông Lành Văn S được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo Lành Quốc T và Hoàng Văn H đã tác động đến gia đình khắc phục một phần thiệt hại đáng kể cho người bị hại nộp tiền tại Cục thi hành án tỉnh Lạng Sơn, tại phiên tòa gia đình các bị cáo tiếp tục khắc phục thêm gia đình bị H khắc phục tại phiên tòa 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) gia đình bị cáo T khắc phục thêm 20.000.000đồng (hai mươi triệu) Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H phạm tội Mua bán người.

2. Về hình phạt: Áp dụng các điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999. Riêng bị cáo Lành Quốc T được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 09 (Chín) đến 10 (mười) năm tù.

Xử phạt bị cáo Lành Quốc T từ 09 (Chín) đến 10 (mười) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H đưa ra quan điểm: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Sau khi bị bắt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Hoàng Văn H có ông nội Hoàng Văn Đ là liệt sỹ, hiện tại gia đình H đang thờ phụng ông Đ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; bị cáo Lành Văn T, Hoàng Văn H đã tác động đến gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo Lành Văn T có bố đẻ là ông Lành Văn S được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Từ đó người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức án vị Công tố đề nghị, để các bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **XÉT THẤY:**

Do hám lợi và lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của những người bị hại các bị cáo Hoàng Văn H, Lành Quốc T đã dùng thủ đoạn giả vờ yêu đương hoặc rủ đi tìm việc làm, tạo lòng tin rồi lừa đưa các chị Lê Thị D và Mông Thị L sang Trung Quốc bán nhằm mục đích kiếm tiền thu lời bất chính. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng một và tháng hai năm 2013, các bị cáo Hoàng Văn H, Lành Quốc T đã lừa chị Mông Thị L và Lê Thị D sang Trung Quốc bán. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn H, Lành Quốc T về tội Mua bán người

theo các điểm đ, g khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể, quyền tự do của con người. Việc mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ để đưa ra nước ngoài, có diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bởi vậy đối với các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, để có mức án thỏa đáng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Lành Quốc T, trong lần thứ nhất lừa bán chị Mông Thị L, bị cáo T là người có vai trò chính, còn bị cáo Hoàng Văn H có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Tuy nhiên trong lần thứ hai lừa bán chị Lê Thị D, bị cáo Hoàng Văn H là người có vai trò chính, còn bị cáo Lành Quốc T chỉ là đồng phạm giúp sức.

Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Hoàng Văn H có ông nội Hoàng Văn Đ là liệt sỹ, hiện tại gia đình H đang thờ phụng ông Đ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; bị cáo Lành Văn T đã tác động đến gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại, cụ thể là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo biên lai số: AA/2016/0002519 ngày 29/6/2017; tại phiên tòa gia đình bị cáo tiếp tục khắc phục cho các bị hại mỗi người thêm 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng gia đình bị cáo T đã khắc phục là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo có bố đẻ là ông Lành Văn S được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên bị cáo Lành Văn T được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tại các biên lai thu tiền số 0002523 ngày 30/6/2017 và biên lai số 0002524 ngày 03/7/2017 thể hiện gia đình bị cáo Hoàng Văn H đã nộp tiền khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Tại phiên tòa gia đình bị cáo Hoàng Văn H tiếp tục khắc phục bồi thường cho mỗi bị hại là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) Tổng cộng số tiền gia đình bị cáo H đã khắc phục là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Do đó các

bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản cá nhân để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên trong vụ án trên, các bị cáo đã thu lợi bất chính nên xét thấy cần thiết phải truy thu số tiền lợi bất chính đối với các bị cáo. Cụ thể: Truy thu bị cáo Lành Quốc T số tiền lợi bất chính là 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng); bị cáo Hoàng Văn H số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

**Về phần bồi thường:** Tại phiên tòa, các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H và người bị hại Mông Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị T, Mông Văn B đã thỏa thuận được phần bồi thường thiệt hại. Xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên. Cụ thể:

- Đối với chị Lê Thị D và đại diện gia đình bà Hoàng Thị T: Các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lê Thị D 100 triệu đồng và bồi thường cho bà T 15.000.000đồng tiền chi phí đi tìm người bị hại. Tổng cộng là 115.000.000đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải chịu là 57.500.000đ (năm mươi bảy triệu năm trăm đồng) do bà Hoàng Thị T đại diện nhận số tiền trên.

Đối với chị Mông Thị L và đại diện gia đình ông Mông Văn B: yêu cầu các bị cáo phải thường danh dự nhân phẩm cho chị L là 35 triệu đồng và bồi thường cho ông Mông Văn B chi phí đi tìm bị hại là 34 triệu. Tổng cộng 69.000.000đồng (Sáu mươi chín triệu) Các bị cáo đồng ý liên đới chịu trách nhiệm bồi thường mỗi người là 34.500.000đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền mỗi bị cáo phải bồi thường là 57.500.000đồng + 34.500.000đồng = 92.000.000đồng (Chín mươi hai triệu đồng)

Xác nhận gia đình bị cáo Lành Quốc T đã khắc phục được 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại cho cả hai người bị hại là 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Xác nhận gia đình bị cáo Hoàng Văn H đã khắc phục được 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại cho cả hai người bị hại là 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo có phần hơi nghiêm khắc. Còn các đề nghị khác của Kiểm sát viên về việc xử lý đối với các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời bào chữa của người bào chữa về mức hình phạt đối với các bị cáo, xử mức án thấp hơn mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ nên được chấp nhận.

**Về vật chứng:** Không có.

Do bị kết án nên các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H phạm tội “Mua bán người”;

**1.1.** Áp dụng các điểm đ, g khoản 2 Điều 119; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lành Quốc T **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2017.

**1.2.** Áp dụng các điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

\* Truy thu sung công quỹ số tiền do các bị cáo phạm tội mà có cụ thể:

- Truy thu đối với bị cáo Lành Quốc T số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng); bị cáo Hoàng Văn H số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

**2. Về phần bồi thường thiệt hại:** Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 592; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể:

1. Các bị cáo Lành Quốc T và Hoàng Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho chị Lê Thị D 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) và bồi thường cho bà Hoàng Thị T 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền chi phí đi tìm người bị hại. Tổng cộng là 115.000.000đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải chịu là 57.500.000đ (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) do bà Hoàng Thị T đại diện nhận số tiền trên.

2. Các bị cáo Lành Quốc T và Hoàng Văn H có trách nhiệm liên đới bồi thường danh dự nhân phẩm, tổn thất tinh thần cho chị Mông Thị L là 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho ông Mông Văn B số tiền chi phí đi lại tìm bị hại là 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng). Tổng cộng 69.000.000đồng (Sáu mươi chín triệu) mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường là 34.500.000đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền mỗi bị cáo phải bồi thường là 57.500.000đồng + 34.500.000đồng = **92.000.000đồng** (Chín mươi hai triệu đồng)

Xác nhận gia đình bị cáo Lành Quốc T đã khắc phục được 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại cho cả hai gia đình bị hại là 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Xác nhận gia đình bị cáo Hoàng Văn H đã khắc phục được 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại cho cả hai gia đình bị hại là 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lành Quốc T, Hoàng Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lành Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.600.000đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng); Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.600.000đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/7/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Nguyễn Phin**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Văn H**

**Chu Thị Nguyễn Phin**

**Cao Sơn Thủy**



